

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 15 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 34
Hình thức đào tạo không tập trung; Thời gian học từ ngày 27/5/2025 đến ngày 18/9/2026

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Nông Thị Vân Anh	7,00	7,75	7,50	6,25	7,25	7,50	7,50	8,00	7,75	7,75	7,75	7,50	8,00	8,50	7,50	7,56	Khá	
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,50	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	6,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,75	7,75	8,50	7,67	7,60	Khá	
3	Hoàng Văn Biên	7,00	7,50	7,50	6,75	7,00	7,75	6,25	7,00	7,25	7,75	7,50	7,25	7,50	8,75	7,50	7,37	Khá	
4	Triệu Thị Bình	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	7,75	8,00	8,25	8,25	8,25	7,50	8,00	9,00	8,25	8,07	Giỏi	
5	Nông Văn Chấn	7,75	7,25	7,00	7,25	7,25	7,50	7,00	7,50	7,50	7,50	7,75	7,25	7,50	8,50	7,67	7,50	Khá	
6	Tô Quỳnh Châu	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	7,00	7,00	6,50	8,75	7,42	7,65	Khá	
7	Nguyễn Đình Chiến	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	6,50	6,75	7,00	7,50	7,75	7,75	7,50	8,00	9,00	7,25	7,59	Khá	
8	Nông Văn Đạt	7,50	8,00	7,75	6,50	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	8,50	7,75	7,71	Khá	
9	Trần Thùy Dương	7,75	8,25	7,75	7,25	7,00	7,25	7,50	7,75	7,75	7,75	7,50	7,50	7,75	8,50	7,92	7,71	Khá	

ĐHT

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
10	Ngân Bích Duyên	6,75	7,00	7,75	6,50	6,75	7,00	6,75	7,00	7,50	8,00	8,00	5,00	7,25	8,75	7,25	7,16	Khá	
11	Ngân Thế Duyệt	8,00	8,25	8,00	8,25	7,50	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,06	Giỏi	
12	Lãnh Ngọc Hiền	6,75	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	8,00	8,00	8,00	7,50	9,00	7,33	7,38	Khá	
13	Lê Thị Hiền	7,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,50	7,75	7,71	Khá	
14	Triệu Quang Hiệp	7,25	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,25	7,25	8,50	7,50	7,38	Khá	
15	Nông Thị Hiệu	7,50	7,75	7,50	7,00	7,50	7,75	7,75	8,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	8,75	7,42	7,60	Khá	
16	Nông Trịnh Hồ	8,00	8,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	7,50	7,25	7,00	8,50	7,83	7,47	Khá	
17	Hà Mộng Hoa	8,00	8,25	8,00	6,50	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,75	7,42	7,74	Khá	
18	Lương Văn Hoi	6,75	7,50	7,50	6,00	6,75	7,00	6,50	7,25	7,25	7,50	8,00	7,25	7,00	8,50	7,17	7,19	Khá	
19	Nông Thị Thúy Hồng	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	9,00	8,25	8,07	Giỏi	
20	Đàm Thị Thu Huế	7,25	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,06	Giỏi	
21	Vũ Thu Hương	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,18	Giỏi	
22	Nông Thu Hương	8,00	8,25	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,25	8,00	7,75	8,25	8,00	8,25	8,50	8,25	8,10	Giỏi	
23	Đinh Thị Huyền	7,50	7,75	8,00	7,75	8,00	8,25	8,25	7,00	7,50	7,75	7,75	8,00	8,00	8,50	7,92	7,87	Khá	
24	Đàm Thị Huyền	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,25	8,00	7,50	7,75	8,75	7,42	7,65	Khá	
25	Ma Thị Huyền	7,25	7,75	8,25	7,25	7,50	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	7,50	7,75	8,75	7,58	7,78	Khá	
26	Cao Thanh Kiều	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	9,00	8,00	8,03	Giỏi	

5/11/2023

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
44	Vi Thị Nhung	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,25	7,75	7,25	7,50	8,50	7,58	7,60	Khá	
45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,50	7,50	8,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	7,75	8,50	7,92	7,81	Khá	
46	Vi Minh Quang	8,00	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,00	7,75	7,25	8,00	8,50	7,33	7,60	Khá	
47	Tô Thị Quyên	7,50	7,50	7,50	7,75	7,75	7,00	8,00	8,00	7,75	7,00	8,00	7,75	8,00	8,50	7,42	7,66	Khá	
48	Đinh Văn Tập	7,50	7,00	6,75	6,50	6,75	6,00	7,00	7,00	7,25	7,75	7,25	7,00	7,25	8,75	7,33	7,16	Khá	
49	Nguyễn Hữu Thắng	7,75	8,00	7,25	7,50	6,75	7,25	7,50	8,00	7,00	6,50	7,50	7,00	7,50	8,50	7,42	7,43	Khá	
50	Long Văn Thành	8,00	8,25	8,00	7,00	7,75	7,00	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	9,00	7,83	7,87	Khá	
51	Đàm Hải Thao	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00							8,50				Bảo lưu
52	Nông Thị Minh Thu	8,00	8,00	7,25	8,00	7,25	6,00	7,50	8,00	7,00	6,75	7,50	7,75	7,75	8,50	7,58	7,53	Khá	
53	Đặng Thanh Thùy	7,75	8,00	7,75	7,25	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,25	8,25	8,25	9,00	8,00	8,01	Giỏi	
54	Đàm Thị Thủy	7,00	7,75	7,25	6,50	7,00	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,50	7,50	7,44	Khá	
55	Lê Thanh Thủy	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	7,75	8,00	8,50	7,33	7,75	Khá	
56	Đàm Thanh Tình	7,50	7,75	7,50	7,25	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,00	7,75	7,50	7,75	8,50	7,92	7,66	Khá	
57	Thang Thành Trung	7,50	7,25	7,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	7,25	8,25	7,50	7,75	8,50	7,83	7,69	Khá	
58	Nguyễn Minh Tuấn	7,00	7,00	6,75	6,50	7,00	6,50	6,50	7,00	7,00	8,00	8,00	7,50	7,50	8,75	7,25	7,22	Khá	
59	Phạm Minh Tuấn	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,50	7,50	9,00	7,75	7,74	Khá	
60	Lưu Đức Tùng	7,75	7,75	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	8,50	7,83	7,79	Khá	

ĐHL

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
27	Lục Hồng Kỳ	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,25	8,00	8,00	8,25	8,00	7,75	9,00	8,25	8,04	Giỏi	
28	Phùng Thị Hồng Lan	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	7,75	8,25	7,50	8,25	8,00	7,50	7,50	8,25	8,50	8,25	7,97	Khá	
29	Thân Thị Lan	8,00	8,00	7,00	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	7,50	7,50	8,50	7,58	7,71	Khá	
30	Lâm Thị Lan	7,00	7,75	7,75	6,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	8,50	7,50	7,63	Khá	
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	8,00	8,00	8,00	7,00	8,00	7,75	8,00	7,50	7,00	7,50	7,25	8,00	7,75	8,50	7,92	7,77	Khá	
32	Hứa Văn Lập	7,75	7,50	7,75	7,50	8,00	7,50	7,75	7,25	7,00	7,25	7,50	8,00	7,75	8,50	7,50	7,62	Khá	
33	Nông Thùy Linh	8,00	8,25	7,50	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	7,50	7,75	7,25	8,00	7,25	8,75	7,83	7,82	Khá	
34	Nguyễn Thị Linh	7,50	8,00	7,50	7,75	7,75	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	8,00	8,50	7,92	7,74	Khá	
35	Lương Quang Linh	7,00	7,00	7,25	6,75	7,50	8,00	7,75	7,00	7,00	7,25	7,00	7,50	7,00	8,75	7,50	7,37	Khá	
36	Nguyễn Thùy Mai	7,75	8,25	7,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	8,50	7,58	7,73	Khá	
37	Lý Thị Ngọc Mai	8,00	8,25	7,00	8,00	7,50	7,50	8,25	8,00	7,75	8,25	7,75	8,00	7,75	8,75	8,00	7,93	Khá	
38	Phạm Đại Nam	8,00	8,25	8,00	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	8,25	8,25	8,00	8,00	9,00	8,00	8,00	Giỏi	
39	Linh Thị Ngà	7,50	7,50	7,50	7,00	7,50	7,50	7,75	8,00	7,75	8,00	7,75	7,75	7,75	8,50	7,67	7,69	Khá	
40	Nông Đình Nghĩa	7,00	7,50	8,00	7,75	7,75	7,25	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	7,75	7,50	8,75	7,58	7,59	Khá	
41	Bùi Thị Hồng Ngọc	7,00	7,25	7,25	7,00	8,00	8,00	8,00	8,25	7,75	7,75	7,50	7,75	7,75	8,75	7,92	7,75	Khá	
42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,21	Giỏi	
43	Đào Ánh Nguyệt	7,50	8,00	7,50	7,00	7,75	8,00	7,75	8,25	8,25	8,25	8,25	8,25	8,25	9,00	8,50	8,09	Giỏi	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
61	Trần Văn Việt	7,25	8,00	7,50	7,25	7,50	7,00	8,00	8,00	7,75	7,50	7,75	8,00	8,00	8,50	7,75	7,72	Khá	
62	Nguyễn Thị Xuân	7,50	7,50	7,75	7,25	8,00									8,50				Bảo lưu

Danh sách ấn định: 62 học viên, được xếp loại 60 học viên.

Tổng hợp xếp loại học tập:

Loại giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 điểm đến dưới 9,00 điểm: 12 học viên, bằng 20,0%.

Loại khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 điểm đến dưới 8,00 điểm: 48 học viên, bằng 80,0%./.

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Trương Thị Phương

